

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 3915/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Bé

2. Bà Trần Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 972/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5831/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị Như P, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: 6/1/14/26 đường A, K, phường H, thành phố T.

Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 176/43/2 Quốc lộ A cũ, K, phường H, thành phố T.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn ngày 08/4/2024 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Hà Thị Như P trình bày:

Bà và ông Phạm Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân Thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2008 ngày 03/3/2008. Cuộc sống chung hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, thường xảy ra cãi vã, gây gổ. Bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay. Bà thấy tình cảm hai bên không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn L.

Về con chung: Bà và ông **L** có một người con chung **Phạm Thu T**, sinh ngày 10/9/2006. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung, không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông **Phạm Văn L** dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Ông **Phạm Văn L** vắng mặt. Bà **Hà Thị Như P** giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông **L**; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung **Phạm Thu T**, không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Hà Thị Như P**. Bà **P** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà **Hà Thị Như P** và ông **Phạm Văn L** đã được Ủy ban nhân dân Thị trấn **L**, huyện **P**, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2008 ngày 03/3/2008. Bà **P** yêu cầu ly hôn với lý do cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và ông **Phạm Văn L** cư trú tại phường **H**, thành phố **T**. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông **Phạm Văn L** dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **L** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Theo lời khai của bà **P** thì vợ chồng bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2008. Từ năm 2021 đôi bên bất đồng về quan điểm, lối sống, thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức thụ lý vụ án hôn nhân gia đình do bà **Hà Thị Như P** là người khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Phạm Văn L**. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập họp lệ theo quy định của pháp luật cho ông **L** đến Tòa án để ghi lời khai, hòa giải nhưng ông **L** vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà **P**, điều đó chứng tỏ ông **L** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, không hòa thuận, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ly thân thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà **P** yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông **L** là có cơ sở giải quyết.

[3.2] Về con chung: Xét người con chung **Phạm Thu T**, sinh ngày 10/9/2006 có nguyện vọng được ở với bà **P**, ông **L** không có ý kiến gì đối với việc nuôi con chung nên để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường cho người con, Hội đồng xét xử giao người con chung cho bà **P** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **P** tự nguyện không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.4] Về tài sản chung: Bà **P** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà **P** khai không có nợ chung. Ông **L** không có ý kiến về nợ chung.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà **Hà Thị Như P** phải nộp nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà **P** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026439 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Như P được ly hôn ông Phạm Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số số 10, quyển số 01/2008 ngày 03/3/2008 do Ủy ban nhân dân Thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho bà Hà Thị Như P và ông Phạm Văn L không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao người con chung Phạm Thu T, sinh ngày 10/9/2006 cho bà Hà Thị Như P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Hà Thị Như P không yêu cầu ông Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên tự giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: 300.000 đồng bà Hà Thị Như P phải nộp nhưng được cân trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026439 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;

- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND TT Lãng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Phương Thảo